

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 15
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 63/2026/DS-ST
Ngày 13- 4 -2026
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh

2. Bà Huỳnh Thị Thuỳ Dương

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Phương Huỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06 và ngày 13 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 570/2025/TLST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2026/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị C, sinh năm 1994; CCCD: 038194013763; địa chỉ thường trú: Số B H, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: Số E Đại lộ B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Tiến Thiên T, sinh năm 1983; CCCD: 074083009736; địa chỉ thường trú: Số A.5.06 Khu phố D, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: Số E Đại lộ B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Đặng Mỹ N, sinh năm 1985; CCCD: 056185001412; địa chỉ thường trú: Số B L, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Đại diện nguyên đơn trình bày:

Giữa bà Phạm Thị C và bà Nguyễn Đặng Mỹ N có mối quan hệ quen biết trong quá trình làm việc. Bà N là chủ cơ sở của lớp Mầm non độc lập Ong Vàng N1, tại phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh). Bà C là người lao động, thực hiện công tác quản lý hoạt động của lớp Mầm non độc lập Ong Vàng N1 nêu trên.

Vì là chỗ quen biết và làm ăn chung, nên bà N thường xuyên vay tiền bà C. Do tin tưởng vào uy tín của bà Nguyễn Đặng Mỹ N nên bà C thường xuyên cho bà N vay tiền. Cụ thể việc vay nợ và trả nợ diễn ra như sau:

Từ khoảng đầu năm 2024 đến ngày 25/4/2025, thông qua hình thức chuyển khoản ngân hàng, bà C đã cho bà Nguyễn Đặng Mỹ N vay số tiền tổng cộng là 5.102.839.999 đồng (*năm tỷ một trăm lẻ hai triệu tám trăm ba mươi chín nghìn chín trăm chín mươi chín đồng*). Việc cho vay được thực hiện qua hình thức chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng. Thông qua số tài khoản 8865391994 của Phạm Thị C mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ (B), bà C đã chuyển tiền cho bà Nguyễn Đặng Mỹ N vay vào các số tài khoản ngân hàng sau:

- Số tài khoản 016930313 mở tại Ngân hàng N3;
- Số tài khoản 0281001149347 mở tại Ngân hàng TMCP N4;
- Số tài khoản 63333555666666 mở tại Ngân hàng TMCP K;
- Số tài khoản 33733655666 mở tại Ngân hàng TMCP Á;
- Số tài khoản 0385858999999 mở tại Ngân hàng TMCP Q.

Chi tiết các lần bà Phạm Thị C chuyển tiền cho Nguyễn Đặng Mỹ N vay như sau:

Giờ chuyển	Ngày chuyển	Số tiền chuyển cho vay (đồng)
13h20	24/09/2024	100.000.000
19h04	03/10/2024	20.000.000
11h11	10/10/2024	19.000.000
15h57	19/10/2024	499.999.999
10h51	21/10/2024	15.000.000
19h15	21/10/2024	20.000.000
19h18	21/10/2024	100.000.000
11h38	24/10/2024	200.000.000
08h27	07/11/2024	200.000.000
17h53	27/11/2024	50.000.000
09h13	14/12/2024	20.000.000
14h46	08/01/2025	480.000.000
14h47	08/01/2025	280.000.000
14h48	08/01/2025	300.000.000
15h02	10/01/2025	6.840.000

11h02	17/01/2025	250.000.000
11h02	17/01/2025	250.000.000
11h04	17/01/2025	100.000.000
10h26	06/02/2025	10.000.000
10h57'21s	07/02/2025	450.000.000
10h57'52s	07/02/2025	450.000.000
10h59	07/02/2025	300.000.000
08h13	08/02/2025	200.000.000
08h34	04/03/2025	100.000.000
08h41	04/03/2025	300.000.000
16h35	06/03/2025	200.000.000
19h47	06/03/2025	100.000.000
12h45	25/04/2025	80.000.000
13h51	25/04/2025	2.000.000
Tổng cộng		5.102.839.999

Trong các lần chuyển khoản vào các ngày liệt kê nêu trên và số tiền nêu trên có các khoản tiền ghi nội dung “*thanh toán tiền hàng*” là ghi theo yêu cầu của bà N hoặc không ghi nội dung chuyển tiền nhưng thực tế đều là khoản tiền mà bà C cho bà N vay.

Trong quá trình vay tiền của bà Phạm Thị C, bà Nguyễn Đăng Mỹ N có một số lần chuyển khoản trả nợ vào số tài khoản 8865391994 của bà Phạm Thị C tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ (B). Cụ thể các lần chuyển tiền trả nợ của bà Nguyễn Đăng Mỹ N như sau:

Giờ chuyển	Ngày chuyển	Số tiền chuyển trả nợ (đồng)
17h29	29/08/2024	100.000.000
11h12	16/09/2024	95.000.000
15h54	19/10/2024	499.999.999
08h20	23/10/2024	100.000.000
07h16	08/01/2025	86.000.000
11h40	19/01/2025	300.000.000
16h51	19/01/2025	100.000.000
17h34	19/01/2025	180.000.000
07h08	10/02/2025	63.000.000
08h20	18/02/2025	100.000.000
Tổng cộng		1.623.999.999

Như vậy, bà Nguyễn Đăng Mỹ N mới chỉ trả nợ cho bà Phạm Thị C số tiền 1.623.999.999 đồng (*một tỷ sáu trăm hai mươi ba triệu, chín trăm chín mươi chín nghìn chín trăm chín mươi chín đồng*) thông qua hình thức chuyển khoản.

Ngoài ra, theo sao kê bà C cung cấp thì bà N còn nhiều lần chuyển tiền vào tài khoản của bà C đối với các khoản tiền có số tiền từ 50.000.000 đồng trở xuống qua số tài khoản 8865391994 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ (B) thì đều là tiền bà N trả lương cho bà C và trả chi phí hoạt động của lớp Mầm non độc lập Ong Vàng N1, không phải là tiền trả nợ cho bà Phạm Thị C.

Sau khi căn trừ số tiền bà Nguyễn Đặng Mỹ N đã trả, tổng số tiền bà N còn nợ bà Phạm Thị C là: 5.102.839.999 đồng - 1.623.999.999 đồng = 3.478.840.000 đồng (*ba tỷ bốn trăm bảy mươi tám triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng*)

Ngày 09/5/2025, bà Phạm Thị C liên hệ yêu cầu bà N trả nợ, nhưng bà N trốn tránh, không hợp tác bàn bạc về việc trả tiền nợ.

Tại đơn khởi kiện, bà C đã yêu cầu Toà án buộc bà N phải trả số tiền nợ gốc là 4.158.000.000 đồng và lãi suất đối với số tiền 4.158.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau khi đối chiếu căn trừ các khoản tiền mà bà N đã trả cho bà C vào các ngày nêu trên nên bà C đã thay đổi yêu cầu khởi kiện. Cụ thể, bà Phạm Thị C yêu cầu Toà án giải quyết:

- Buộc bà Nguyễn Đặng Mỹ N trả cho bà Phạm Thị C số tiền nợ gốc 3.478.840.000 đồng (*ba tỷ bốn trăm bảy mươi tám triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng*)

- Buộc bà Nguyễn Đặng Mỹ N trả cho bà Phạm Thị C tiền lãi đối với nợ gốc chưa trả, tính từ ngày nộp đơn khởi kiện (28/5/2025) đến thời điểm xét xử sơ thẩm vụ án theo mức lãi suất 0,83%/tháng.

Nguyên đơn giao nộp các tài liệu chứng cứ: Sao kê tài khoản ngân hàng, trích nội dung tin nhắn Zalo, hợp đồng lao động, Vi bằng.

2. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc, lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn không giao nộp tài liệu chứng cứ.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cụ thể:

+ Buộc bà Nguyễn Đặng Mỹ N trả cho bà Phạm Thị C số tiền nợ gốc 3.478.840.000 đồng (*ba tỷ bốn trăm bảy mươi tám triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng*).

+ Buộc bà Nguyễn Đặng Mỹ N trả cho bà Phạm Thị C tiền lãi đối với nợ gốc chưa trả, tính từ ngày nộp đơn khởi kiện (28/5/2025) đến thời điểm xét xử sơ thẩm vụ án (tính đến ngày 04/4/2026) theo mức lãi suất 0,83%/tháng: $3.478.840.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 10 \text{ tháng} 07 \text{ ngày (làm tròn 10 tháng)} = 288.743.720 \text{ đồng}$ (*hai trăm tám mươi tám triệu bảy trăm bốn mươi ba nghìn bảy trăm hai mươi đồng*).

Đại diện nguyên đơn giải thích lý do tại sao theo sao kê tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ (B) thể hiện vào các ngày 24/9/2024, 03/10/2024, 10/10/2024, 19/10/2024 bà C chuyển vào tài khoản của bà N lần lượt các khoản tiền 100.000.000 đồng, 20.000.000 đồng, 19.000.000 đồng, 499.999.999 đồng nhưng ngày 29/8/2024, 16/9/2024, 19/10/2024 bà N lại chuyển vào tài khoản của bà C các khoản tiền 100.000.000 đồng, 95.000.000 đồng, 499.999.999 đồng là vì vào năm 2021 bà C đã cho bà N vay số tiền 1.200.000.000 đồng bằng tiền mặt, vay có lãi suất, thỏa thuận bằng lời nói không lập văn bản, sau đó bà N có chuyển trả vào tài khoản của bà C nhiều lần. Tuy nhiên, khi trả tiền bà N không ghi nội dung là trả nợ cho khoản vay nào nên bà C xác định tất cả số tiền 1.623.999.999 đồng (chuyển khoản từ ngày 29/8/2024 đến 18/02/2025) là trả nợ cho khoản vay 5.102.839.999 đồng (vay từ ngày 24/9/2024 đến ngày 25/4/2025), việc xác định số tiền gốc đã trả 1.623.999.999 đồng là có lợi cho phía bà N.

- Bị đơn vắng mặt không có lý do.

- Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa, Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; xác định đúng tư cách đương sự theo quy định tại Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự; thụ lý và giải quyết đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trình tự thụ lý, thu thập và giao nhận chứng cứ đầy đủ, đúng trình tự theo quy định.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định tại chương XIV về phiên tòa sơ thẩm.

Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 72 và 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 72 và 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng: Không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: Ngày 28 tháng 5 năm 2025, nguyên đơn bà Phạm Thị C có đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Đăng Mỹ N phải trả số tiền nợ vay nên đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền: Bà Phạm Thị C khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bà Nguyễn Đăng Mỹ N đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại thời điểm thụ lý, bị đơn bà Nguyễn Đăng Mỹ N đang cư trú tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung tranh chấp: Theo bà C trình bày trong khoảng thời gian từ ngày 24 tháng 9 năm 2024 đến ngày 25 tháng 4 năm 2025 bà C đã chuyển khoản cho bà N vay số tiền 5.102.839.999 đồng, cũng trong khoảng thời gian từ ngày 29/8/2024 đến ngày 18/02/2025 bà N đã trả cho bà C số tiền 1.623.999.999 đồng. Nay bà C yêu cầu bà N phải trả số tiền vay còn nợ là 3.478.840.000 đồng và lãi suất đối với số tiền còn nợ.

[2.1]. Đối với số tiền bà Phạm Thị C cho bà Nguyễn Đăng Mỹ N vay: Theo sao kê tài khoản số 8865391994 của bà Phạm Thị C tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ (B) do bà C cung cấp thể hiện bà Phạm Thị C có chuyển vào tài khoản của bà Nguyễn Đăng Mỹ N số tiền 5.102.839.999 đồng (từ ngày 24/9/2024 đến ngày 25/4/2025, (BL 52 - 84).

[2.2]. Đối với số tiền bà Nguyễn Đăng Mỹ N đã trả cho bà Phạm Thị C: Theo sao kê tài khoản số 8865391994 của bà Phạm Thị C tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ (B) do bà C cung cấp thể hiện bà Nguyễn Đăng Mỹ N có chuyển vào tài khoản của bà Phạm Thị C số tiền 1.623.999.999 đồng (từ ngày 29/8/2024 đến ngày 18/02/2025, (BL 52- 84).

[2.3]. Để xác định nguồn chứng cứ, Tòa án đã quyết định yêu cầu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ (B) cung cấp thông tin, tài liệu chứng cứ đối với các lần chuyển tiền từ tài khoản số 8865391994 của bà Phạm Thị C đến các tài khoản của bà Nguyễn Đăng Mỹ N và ngược lại.

Theo sao kê được Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ (B) cung cấp thể hiện tài khoản số 8865391994 của bà Phạm Thị C có chuyển tiền đến các tài khoản của bà Nguyễn Đăng Mỹ N với các lần chuyển tiền vào các ngày từ 24/9/2024 đến ngày 25/4/2025 như bà C trình bày đối với số tiền 5.102.839.999 đồng (BL419 – 469). Qua xem xét nội dung chuyển khoản, trong các lần chuyển khoản từ tài khoản của bà C đến tài khoản của bà N vào các ngày như bà C liệt kê đối với số tiền 5.102.839.999 đồng có các khoản tiền ghi nội dung “*thanh toán tiền hàng*” hoặc không ghi nội dung chuyển tiền nhưng theo bà C trình bày đó đều là khoản tiền mà bà C cho bà N vay trong khoảng thời gian từ ngày 24 tháng 9 năm 2024 đến ngày 25 tháng 4 năm 2025.

Sao kê tài khoản cũng thể hiện bà Nguyễn Đăng Mỹ N có chuyển vào tài khoản của bà Phạm Thị C với các lần chuyển tiền vào các ngày từ 29/8/2024 đến ngày 18/02/2025 như bà C trình bày đối với số tiền 1.623.999.999 đồng (BL419 -

469). Qua xem xét nội dung chuyển khoản, trong các lần chuyển khoản từ tài khoản của bà N đến tài khoản của bà C vào các ngày như bà C liệt kê có các khoản tiền bà N chuyển khoản không ghi nội dung nhưng theo bà C trình bày đó đều là khoản tiền mà bà N trả nợ cho bà C (trong khoảng thời gian từ ngày 29 tháng 8 năm 2024 đến ngày 18 tháng 02 năm 2025) đối với số tiền đã vay 5.102.839.999 đồng (vay trong khoảng thời gian từ ngày 24 tháng 9 năm 2024 đến ngày 25 tháng 4 năm 2025).

Ngoài những lần bà C liệt kê đối với số tiền mà bà C cho rằng bà N đã chuyển khoản trả nợ là 1.623.999.999 đồng thì sao kê tài khoản còn thể hiện bà N còn nhiều lần chuyển khoản cho bà C nhưng không ghi nội dung chuyển khoản, bà C cho rằng những lần chuyển khoản đó, những khoản tiền từ 50.000.000 đồng trở xuống là để trả lương cho bà C và trả chi phí hoạt động của lớp Mầm non độc lập Ong Vàng N1 (không phải là để trả nợ cho bà C).

[2.4]. Ngoài ra, sao kê tài khoản còn thể hiện trong số tiền 1.623.999.999 đồng (chuyển khoản từ ngày 29/8/2024 đến ngày 18/02/2025) mà bà N chuyển khoản cho bà C có số tiền được bà N chuyển khoản cho bà C trước ngày bà C cho bà N vay đối với số 5.102.839.999 đồng (sao kê thể hiện bà C chuyển khoản cho bà N ngày 24/9/2024: 100.000.000 đồng; ngày 03/10/2024: 20.000.000 đồng; ngày 10/10/2024: 19.000.000 đồng, ngày 19/10/2024: 499.999.999 đồng. Nhưng bà N lại chuyển vào tài khoản của bà C ngày 29/8/2024: 100.000.000 đồng; ngày 16/9/2024: 95.000.000 đồng; ngày 19/10/2024: 499.999.999 đồng). Giải thích cho vấn đề này bà C trình bày vào năm 2021, bà C đã cho bà N vay số tiền 1.200.000.000 đồng bằng tiền mặt, vay có lãi suất (thỏa thuận bằng lời nói không lập văn bản), sau đó bà N có chuyển trả vào tài khoản của bà C nhiều lần. Tuy nhiên, khi trả tiền bà N không ghi nội dung là trả cho khoản vay nào nên bà C xác định tất cả số tiền 1.623.999.999 đồng (chuyển khoản từ ngày 29/8/2024 đến 18/02/2025) là trả nợ cho khoản vay 5.102.839.999 đồng (đã vay trong khoảng thời gian từ ngày 24 tháng 9 năm 2024 đến ngày 25 tháng 4 năm 2025), bà C cho rằng việc xác định số tiền bà N đã trả 1.623.999.999 đồng là có lợi cho phía bà N.

[2.5]. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà Nguyễn Đặng Mỹ N để làm việc, lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt và không có văn bản trình phản đối ý kiến, yêu cầu của bà C nên được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Như vậy, qua đối chiếu sao kê tài khoản tại ngân hàng có căn cứ xác định bà Phạm Thị C đã chuyển số tiền 5.102.839.999 đồng cho bà Nguyễn Đặng Mỹ N vay, quá trình vay bà N đã trả cho bà C số tiền 1.623.999.999 đồng. Tại thời điểm thực hiện các giao dịch chuyển tiền các bên đương sự có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung chuyển khoản cho vay mượn tiền, trả tiền không vi phạm điều cấm của pháp luật. Do đó, phát sinh hiệu lực đối với các bên. Khi vay tiền các bên

không có thỏa thuận lãi suất, không thỏa thuận thời hạn trả nợ nhưng ngày 10/5/2025, bà C đã có thông báo đòi nợ và yêu cầu bà N trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày 11/5/2025 đến ngày 16/5/2025 phải trả số tiền vay cho bà C. Tuy nhiên, bà N không trả nợ là vi phạm nghĩa vụ.

Bà C cho rằng bà N còn nợ số tiền gốc 3.478.840.000 đồng. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong vụ án, đối chiếu sao kê tài khoản, không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện bà N đã trả cho bà C toàn bộ số tiền đã vay 5.102.839.999 đồng theo sao kê tài khoản mà bà C cung cấp và do Toà án thu thập được. Do đó, bà Phạm Thị C yêu cầu bà Nguyễn Đăng Mỹ N phải trả số tiền vay còn nợ 3.478.840.000 đồng (*ba tỷ bốn trăm bảy mươi tám triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng*) là có căn cứ theo quy định tại Điều 466, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.6]. Về lãi suất: Hợp đồng vay giữa các bên là loại hợp đồng vay không kỳ hạn và không thỏa thuận lãi suất vay, nhưng ngày 10/5/2025, bà C đã có thông báo đòi nợ và yêu cầu bà N trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày 11/5/2025 đến ngày 16/5/2025 phải trả số tiền vay cho bà C nhưng do bà N không trả vi phạm nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà C. Vì vậy, bà C yêu cầu bà N phải trả lãi đối với nợ gốc chưa trả, tính từ ngày nộp đơn khởi kiện (28/5/2025) đến thời điểm xét xử sơ thẩm vụ án (bà C yêu cầu tính đến ngày 04/4/2026 và làm tròn là 10 tháng) theo mức lãi suất 0,83%/tháng là phù hợp với quy định tại Điều 357, 468, 469 của Bộ luật Dân sự 2015 nên được chấp nhận. Cụ thể: Bà Nguyễn Đăng Mỹ N phải trả lãi suất tính từ ngày 28/5/2025 đến ngày 04/4/2026 là $3.478.840.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 10 \text{ tháng} = 288.743.720 \text{ đồng}$ (*hai trăm tám mươi tám triệu bảy trăm bốn mươi ba nghìn bảy trăm hai mươi đồng*).

Tổng cộng bà Nguyễn Đăng Mỹ N phải trả cho bà Phạm Thị C số tiền là 3.767.583.720 đồng, trong đó nợ gốc: 3.478.840.000 đồng; lãi suất: 288.743.720 đồng.

Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị C đối với bị đơn bà Nguyễn Đăng Mỹ N về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[3]. Tại phiên tòa, phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4]. Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Căn cứ quy định tại Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự: Bà Phạm Thị C phải chịu số tiền 3.810.000 đồng.

[5]. Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp, tương đương án phí 107.351.674 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 180, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tổ tụng dân sự;
- Điều 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị C đối với bị đơn bà Nguyễn Đăng Mỹ N về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Nguyễn Đăng Mỹ N có trách nhiệm trả cho bà Phạm Thị C số tiền 3.767.583.720 đồng (ba tỷ bảy trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm tám mươi ba nghìn bảy trăm hai mươi đồng), trong đó nợ gốc: 3.478.840.000 đồng (ba tỷ bốn trăm bảy mươi tám triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng); lãi suất: 288.743.720 đồng (hai trăm tám mươi tám triệu bảy trăm bốn mươi ba nghìn bảy trăm hai mươi đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì còn phải trả tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Bà Phạm Thị C phải chịu số tiền 3.810.000 đồng (ba triệu tám trăm mười nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp. Bà Phạm Thị C đã nộp xong.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1 Bà Nguyễn Đăng Mỹ N phải chịu số tiền 107.351.674 đồng (một trăm lẻ bảy triệu ba trăm năm mươi một nghìn sáu trăm bảy mươi bốn đồng).

3.2 Hoàn trả cho bà Phạm Thị C số tiền 56.096.256 đồng (năm mươi sáu triệu không trăm chín mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi sáu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/24 số 0004997, ngày 17/6/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

4. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

